

Tăng tỷ trọng

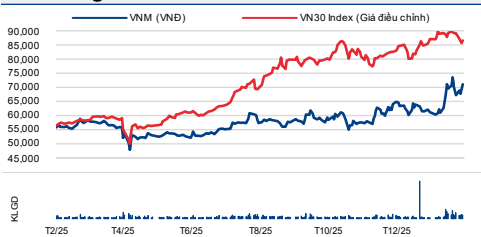
Giá mục tiêu: VND70,600

Tiềm năng tăng/giảm: 0.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/1/2026)	70,600
Mã Bloomberg	VNM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	47,972-73,400
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	69,200
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	147,551
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	5,689
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,090
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,090
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,052
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	50.3%
Tỷ lệ freefloat	33.0%
Cổ đông lớn	SCIC (36.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	61,783	62,895	66,243
EBITDA đc (tỷ đồng)	12,500	12,499	13,555
LNTT (tỷ đồng)	11,600	11,240	12,128
LNT ĐC (tỷ đồng)	9,392	9,134	9,922
FCF (tỷ đồng)	7,944	7,673	7,845
EPS ĐC (đồng)	4,024	3,914	4,251
DPS (đồng)	4,350	4,350	4,350
BVPS (đồng)	15,445	15,465	15,825
T.trưởng EBITDA (%)	3.55	(0.01)	8.45
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.98	(2.75)	8.63
Tăng trưởng DPS (%)	13.0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.2	19.9	20.5
Tỷ suất LNTT (%)	18.8	17.9	18.3
Tỷ suất LNT ĐC (%)	15.2	14.5	15.0
Tỷ lệ LN trả CT (%)	108	111	102
Nợ thuần/VCSH (%)	22.4	14.4	10.5
ROAE (%)	29.4	28.3	30.3
ROACE (%)	28.9	28.1	30.4
EV/doanh thu (lần)	2.50	2.42	2.28
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.4	12.2	11.1
P/E ĐC (lần)	17.5	18.0	16.6
P/B (lần)	4.57	4.57	4.46
Lợi suất cổ tức (%)	6.16	6.16	6.16

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VNM là công ty sữa lớn nhất Việt Nam. Sản phẩm chính của công ty bao gồm sữa nước, sữa bột, sữa chua, sữa đặc và các sản phẩm khác.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng

my.th@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 362

Huỳnh Phương Bảo Khánh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng

khanh.hpb@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 369

Q4/2025: KQKD tăng mạnh 34%; vượt dự báo

- Lợi nhuận thuần của VNM tăng mạnh 34% so với cùng kỳ đạt 2.840 tỷ đồng, cao hơn 11% so với dự báo của HSC, trong khi doanh thu thuần tăng 10% so với cùng kỳ đạt 17.034 tỷ đồng. KQKD tích cực được thúc đẩy nhờ sự cải thiện tại cả thị trường trong nước và nước ngoài.
- Doanh thu trong nước tăng 8% so với cùng kỳ đạt 13.846 tỷ đồng, cao hơn 6% so với dự báo của chúng tôi, được hỗ trợ nhờ thể mạnh của các sản phẩm cốt lõi, những đổi mới trong sản phẩm, chiến lược cao cấp hóa sản phẩm và kênh bán hàng hiện đại cải thiện rõ nét, đặc biệt là chuỗi cửa hàng Vinamilk. Thị trường nước ngoài tăng 21% so với cùng kỳ, sát với dự báo, trong đó doanh thu xuất khẩu tăng 26% so với cùng kỳ đạt 1.579 tỷ đồng và doanh thu từ các công ty con ở nước ngoài tăng 16% so với cùng kỳ đạt 1.609 tỷ đồng.
- Sau khi tăng 23% trong 3 tháng qua, giá cổ phiếu VNM đã tiến sát giá mục tiêu của chúng tôi và hiện đang giao dịch ở mức P/E năm 2026 là 16,6 lần. HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

KQKD Q4/2025 của VNM tích cực và vượt dự báo của HSC. Lợi nhuận thuần tăng mạnh 34% so với cùng kỳ đạt 2.840 tỷ đồng, cao hơn 11% so với dự báo của HSC (2.564 tỷ đồng). Doanh thu thuần thiết lập mức cao kỷ lục mới theo quý, đạt 17.034 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ và cao hơn 5% so với dự báo của chúng tôi là 16.283 tỷ đồng. So với quý trước, doanh thu thuần gần như đi ngang trong khi lợi nhuận thuần tăng ấn tượng 12%.

Tính chung cả năm 2025, doanh thu thuần đạt 63.646 tỷ đồng, tăng trưởng 3%. Lợi nhuận thuần đạt 9.410 tỷ đồng, nhìn chung đi ngang so với năm trước. KQKD này bằng lần lượt 101% và 103% dự báo cho cả năm 2025 của HSC.

Doanh thu trong nước: Đà tăng trưởng được đẩy nhanh

Trong Q4/2025, doanh thu trong nước tăng 8% so với cùng kỳ đạt 13.846 tỷ đồng, cao hơn 6% so với dự báo của HSC, nhờ nhu cầu cải thiện và KQKD tích cực trên các ngành hàng chủ lực. Cụ thể:

- Doanh thu trong nước của công ty mẹ – yếu tố chủ chốt đóng góp 91% tổng doanh thu trong nước trong quý – tăng 10% so với cùng kỳ (tăng 3% so với quý trước) đạt 12.554 tỷ đồng.
- Doanh thu của Sữa Mộc Châu giảm 3% so với cùng kỳ (đi ngang so với quý trước) xuống 721 tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 2/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q4/2025 và cả năm 2025, VNM

Tỷ đồng	Q4/25	Sv cùng kỳ	Sv quý trước	2025	Tăng trưởng	2025F	% dự báo
Doanh thu thuần	17,034	10%	0%	63,646	3%	62,895	101%
Giá vốn hàng bán	(10,144)	9%	3%	(37,436)	3%	(36,650)	102%
Lợi nhuận gộp	6,890	11%	-3%	26,209	2%	26,245	100%
Lợi nhuận tài chính	251	-1%	-18%	1,147	-1%	1,172	98%
Chi phí BH&QL	(3,732)	-4%	-8%	(15,546)	2%	(15,947)	97%
EBIT	3,158	37%	4%	10,664	2%	10,298	104%
Lợi nhuận thuần	2,840	34%	12%	9,410	0%	9,134	103%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	40.4%			41.2%		41.7%	
Chi phí BH&QL / doanh thu	-21.9%			-24.4%		-25.4%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	16.7%			14.8%		14.5%	

Nguồn: VNM, HSC ước tính

Doanh thu trong nước của công ty mẹ tăng trưởng mạnh, phản ánh hiệu quả từ các nỗ lực marketing, R&D, bán hàng và phân phối. Hoạt động đổi mới sản phẩm tiếp tục được đẩy mạnh với hơn 100 sản phẩm được ra mắt/tái ra mắt trong năm 2025, so với 125 sản phẩm trong năm 2024, đánh dấu việc hoàn tất chương trình tái định vị thương hiệu được khởi động từ tháng 9/2024. Trong khi đó, tỷ trọng đóng góp của các sản phẩm cao cấp trong doanh thu trong nước tiếp tục tăng, tiến sát mức hai chữ số. Trong danh mục sản phẩm, sữa nước Green Farm, sữa hạt và kem là các ngành hàng có KQKD tích cực nhất.

Về phân phối, kênh bán hàng truyền thống đã ổn định trở lại sau quá trình tái cơ cấu trong Q1/2025, trong khi kênh bán hàng hiện đại, bao gồm chuỗi cửa hàng Vinamilk và thương mại điện tử, tiếp tục duy trì tăng trưởng mạnh.

Chuỗi cửa hàng Vinamilk duy trì đà mở rộng mạnh mẽ với tổng số 819 cửa hàng tính đến thời điểm hiện tại, tăng 16% so với 706 cửa hàng vào tháng 11/2025. Khu vực miền Trung ghi nhận tốc độ mở rộng nhanh nhất trong giai đoạn này với số lượng cửa hàng tăng 22%. HSC ước tính doanh thu từ chuỗi cửa hàng, bao gồm cả bán tại chỗ và trực tuyến, hiện đóng góp trên 10% doanh thu trong nước của công ty mẹ.

Cho cả năm 2025, mảng kinh doanh trong nước ghi nhận doanh thu đạt 50.964 tỷ đồng, nhìn chung đi ngang so với năm trước và cao hơn 2% so với dự báo của chúng tôi là 50.179 tỷ đồng.

Thị trường nước ngoài: Duy trì đà tăng trưởng mạnh

Trong Q4/2025, doanh thu nước ngoài đạt 3.188 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ và sát với dự báo của HSC (3.223 tỷ đồng), được thúc đẩy nhờ doanh thu xuất khẩu tăng 26% so với cùng kỳ đạt 1.579 tỷ đồng và doanh thu từ các công ty con ở nước ngoài tăng 16% so với cùng kỳ đạt 1.609 tỷ đồng.

Đà tăng trưởng xuất khẩu phản ánh vị thế thị trường được củng cố của VNM tại khu vực Trung Đông và châu Phi, được hỗ trợ nhờ danh mục sản phẩm linh hoạt, thiên về phân khúc cao cấp và sự hợp tác sâu rộng hơn với các đối tác chiến lược.

Các công ty con ở nước ngoài tiếp tục ghi nhận KQKD tích cực, trong đó Angkor Milk được hưởng lợi từ việc thực thi phân phối hiệu quả hơn và tình trạng thiếu hụt nguồn cung tại Campuchia trong bối cảnh căng thẳng khu vực, trong khi Driftwood vẫn là công ty con đóng góp ổn định nhờ kiểm soát chi phí chặt chẽ.

Tính chung cả năm 2025, doanh thu nước ngoài đạt 12.682 tỷ đồng, tăng trưởng 15% và sát với dự báo của HSC là 12.716 tỷ đồng. Doanh thu nước ngoài hiện đóng góp 20% vào tổng doanh thu thuần hợp nhất, tăng từ mức 18% của một năm trước.

Tỷ suất EBIT tăng lên 18,5%

Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng 30 điểm cơ bản so với Q4/2024 lên 40,4% trong Q4/2025, nhưng giảm 140 điểm cơ bản so với mức 41,8% trong Q3/2025, có thể do việc sử dụng lượng tồn kho có chi phí cao đã tích trữ trước đó.

Trong Q4/2025, nhờ quản lý chi phí chặt chẽ hơn, tỷ suất EBIT tiếp tục được cải thiện, đạt 18,5% so với 14,9% trong Q4/2024 và 18% trong Q3/2025. Chi phí bán hàng & quản lý giảm 4% so với cùng kỳ xuống 3.732 tỷ đồng.

Cụ thể, chi phí cho hoạt động khuyến mãi, trưng bày và hỗ trợ bán hàng giảm 9% so với cùng kỳ và giảm 20% so với quý trước xuống 2.035 tỷ đồng, dù doanh thu tăng trưởng mạnh, cho thấy hiệu quả marketing được cải thiện. Theo đó, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu giảm xuống 18,7%, từ mức 21,7% trong Q4/2024 và 23,8% trong Q3/2025, cho thấy chi phí tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ.

Xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị

HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị.

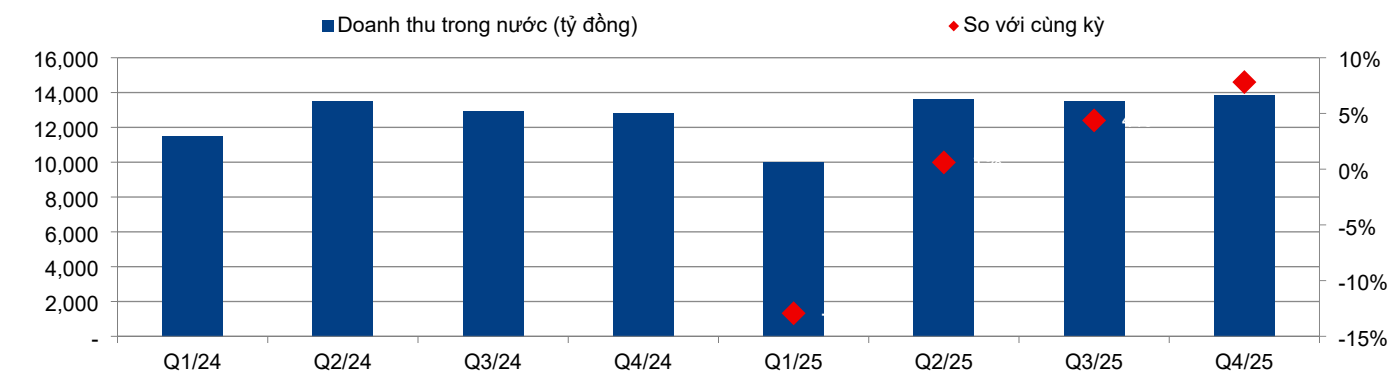
Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần, VNM

Tỷ đồng	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	Q4/25F	Thực tế / dự báo	2025	Tăng trưởng	2025F	% dự báo
Trong nước	13,846	8%	3%	13,060	106%	50,964	0%	50,179	102%
Xuất khẩu	1,579	26%	-22%	1,810	87%	7,105	25%	7,336	97%
Các công ty con ở nước ngoài	1,609	16%	12%	1,413	114%	5,576	5%	5,380	104%
Tổng doanh thu thuần	17,034	10%	0%	16,283	105%	63,646	3%	62,895	101%

Nguồn: VNM, HSC ước tính

Biểu đồ 3: Doanh thu trong nước theo quý, VNM

Doanh thu tại thị trường trong nước đang trên đà hồi phục



Nguồn: VNM, HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	60,369	61,783	62,895	66,243	68,750
Lợi nhuận gộp	24,545	25,590	26,245	28,077	29,431
Chi phí BH&QL	(14,774)	(15,186)	(15,947)	(16,823)	(17,449)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	9,771	10,405	10,298	11,254	11,982
Lãi vay thuần	1,186	1,111	1,027	945	886
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(80.6)	32.0	(158)	(158)	(158)
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	91.9	52.5	73.1	86.6	83.5
LN TT	10,968	11,600	11,240	12,128	12,793
Chi phí thuế TNDN	(1,949)	(2,147)	(2,088)	(2,267)	(2,452)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(146)	(60.6)	(17.9)	60.9	(66.1)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	8,874	9,392	9,134	9,922	10,275
Lợi nhuận thuần ĐC	8,874	9,392	9,134	9,922	10,275
EBITDA ĐC	12,071	12,500	12,499	13,555	14,426
EPS (đồng)	3,796	4,023	3,912	4,250	4,401
EPS ĐC (đồng)	3,796	4,024	3,914	4,251	4,403
DPS (đồng)	3,850	4,350	4,350	4,350	4,350
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,090	2,090	2,090	2,090	2,090
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,090	2,090	2,090	2,090	2,090
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,090	2,090	2,090	2,090	2,090

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	2,912	2,226	3,870	5,048	6,984
Đầu tư ngắn hạn	20,137	23,260	21,260	20,260	19,260
Phải thu khách hàng	4,808	4,793	4,879	5,139	5,334
Hàng tồn kho	6,128	5,687	6,071	6,322	6,514
Các tài sản ngắn hạn khác	1,950	1,588	1,331	1,398	1,449
Tổng tài sản ngắn hạn	35,936	37,554	37,411	38,168	39,541
TSCĐ hữu hình	11,689	11,520	11,176	11,018	11,495
TSCĐ vô hình	1,001	1,030	960	890	820
Bất động sản đầu tư	55.6	53.6	51.2	48.7	46.2
Đầu tư dài hạn	229	751	381	381	381
Đầu tư vào Cty LD,LK	603	622	440	440	440
Tài sản dài hạn khác	3,161	3,518	3,483	3,986	3,712
Tổng tài sản dài hạn	16,737	17,495	16,492	16,764	16,895
Tổng cộng tài sản	52,673	55,049	53,903	54,932	56,436
Nợ ngắn hạn	8,218	9,115	8,125	8,125	8,125
Phải trả người bán	3,806	3,874	3,923	4,085	4,209
Nợ ngắn hạn khác	3,982	4,264	3,513	3,630	3,718
Tổng nợ ngắn hạn	17,139	18,460	17,271	17,621	17,887
Nợ dài hạn	238	158	148	148	148
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	269	256	249	237	225
Nợ dài hạn khác	1.06	0.72	0.65	0.65	0.65
Tổng nợ dài hạn	509	415	397	385	373
Tổng nợ phải trả	17,648	18,875	17,668	18,006	18,260
Vốn chủ sở hữu	31,697	32,279	32,321	33,073	34,257
Lợi ích cổ đông thiểu số	3,329	3,896	3,913	3,853	3,919
Tổng vốn chủ sở hữu	35,026	36,174	36,235	36,926	38,176
Tổng nợ phải trả và VCSH	52,673	55,049	53,903	54,932	56,436
BVPS (đ)	15,166	15,445	15,465	15,825	16,391
Nợ thuần/(tiền mặt)	5,544	7,047	4,403	3,224	1,288

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	9,771	10,405	10,298	11,254	11,982
Khấu hao	(2,300)	(2,095)	(2,200)	(2,301)	(2,444)
Lãi vay thuần	1,186	1,111	1,027	945	886
Thuế TNDN đã nộp	(1,564)	(2,128)	(2,087)	(2,267)	(2,452)
Thay đổi vốn lưu động	(1,702)	182	(419)	(243)	(184)
Khác	(2,103)	(1,979)	(1,439)	(1,509)	(1,252)
LCT thuần từ HĐKD	7,887	9,686	9,581	10,481	11,424
Đầu tư TS dài hạn	(1,580)	(1,742)	(1,908)	(2,636)	(2,758)
Góp vốn & đầu tư	(2,892)	(3,620)	2,552	1,000	1,000
Thanh lý	115	149	(0.04)	0	0
Khác	1,368	1,473	1,510	1,425	1,361
LCT thuần từ HĐĐT	(2,989)	(3,739)	2,155	(211)	(397)
Cổ tức trả cho CSH	(8,152)	(8,160)	(9,091)	(9,091)	(9,091)
Thu từ phát hành CP	347	722	0	0	0
Tăng/giảm nợ	3,512	796	(1,001)	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(4,293)	(6,641)	(10,092)	(9,091)	(9,091)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,300	2,912	2,226	3,870	5,048
LCT thuần trong kỳ	606	(694)	1,644	1,178	1,936
Ảnh hưởng của tỷ giá	5.98	8.33	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,912	2,226	3,870	5,048	6,984
Dòng tiền tự do	6,308	7,944	7,673	7,845	8,666

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	40.7	41.4	41.7	42.4	42.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.0	20.2	19.9	20.5	21.0
Tỷ suất LNT (%)	14.7	15.2	14.5	15.0	14.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	17.8	18.5	18.6	18.7	19.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	0.69	2.34	1.80	5.32	3.78
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	1.88	3.55	(0.01)	8.45	6.43
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	4.20	5.84	(2.75)	8.63	3.56
Tăng trưởng EPS (%)	4.52	5.98	(2.75)	8.63	3.56
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	4.52	6.02	(2.75)	8.63	3.56
Tăng trưởng DPS (%)	0	13.0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	101	108	111	102	98.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.8	29.4	28.3	30.3	30.5
ROACE (%)	28.4	28.9	28.1	30.4	31.6
Vòng quay tài sản (lần)	1.19	1.15	1.15	1.22	1.23
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.81	0.93	0.93	0.93	0.95
Số ngày tồn kho	62.4	57.4	60.5	60.5	60.5
Số ngày phải thu	49.0	48.3	48.6	49.1	49.5
Số ngày phải trả	38.8	39.1	39.1	39.1	39.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	18.0	22.4	14.4	10.5	4.53
Nợ/tài sản (%)	16.4	17.2	15.8	15.5	15.1
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.71	0.76	0.68	0.63	0.59
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.10	2.03	2.17	2.17	2.21
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.54	2.50	2.42	2.28	2.16
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.7	12.4	12.2	11.1	10.3
P/E (lần)	18.6	17.5	18.0	16.6	16.0
P/E ĐC (lần)	18.6	17.5	18.0	16.6	16.0
P/B (lần)	4.66	4.57	4.57	4.46	4.31
Lợi suất cổ tức (%)	5.45	6.16	6.16	6.16	6.16

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn